

CHỦ ĐỀ 19: NGÀN HOA KHOE SẮC

BÀI 1: OA OE (tiết 1 – 2, SHS tr. 6 – 7)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* (đóa hoa, hoa loa kèn, cây vạn tuế, hoa xoan, hoa xoài, hoa oải hương,...).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oa, oe* (hội hoa, hoa loa kèn, cúc họa mi, mùa xoè,...).

2. Nhận diện được vần *oa, oe*, tiếng có vần *oa, oe*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*) (không có âm cuối), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *oa, oe*.

4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oa, oe* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oa, oe*; tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn,

6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa thông qua việc đọc bài về.

7. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

8. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Thẻ từ các vần *oa, oe* (nếu có).
- Một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Tranh chủ đề (nếu có).

¹ Mục tiêu 7, 8 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài học vẫn nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài này, bài đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài học vẫn tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ¹

HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không). (Trò chơi gợi ý: cho HS vỗ tay và hát bài hát thường có trong chương trình mẫu giáo, như: *Lí cây bông*, *Hoa trong vườn*/ *Hoa lá mùa xuân*,...)

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 6 và nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc*. HS thi đua kể tên những loài hoa mà HS biết.

– HS quan sát tranh minh hoạ phần khởi động, trao đổi trong nhóm và nói ra những từ có tiếng chứa vần *oa*, *oe* (Gợi ý: “Tranh vẽ cảnh ở đâu?”, “Họ đang làm gì?”, “Đây là hoa gì?”,... để giúp HS phát hiện tiếng có vần *oa*, *oe*, như *đóa hoa hồng*, *cúc hoa mi*, *loa kèn*, *múa xoè ô*,...).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (*đóa*, *hoa*, *hoạ*, *loa*, *xoè*,...); HS phát hiện ra các vần *oa*, *oe*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới (*oa oe*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oa*

– HS quan sát, phân tích vần *oa* (âm *o* đứng trước, âm *a* đứng sau).

– HS đánh vần vần *oa*: *o-a-oa*.

b. Nhận diện vần *oe* (như với vần *oa*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *oa*, *oe*

– HS so sánh vần *oe* và *oa*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *oa* và *oe* (đều có âm *o* đứng đầu vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoa*.

– HS phân tích tiếng *hoa*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oa-hoa* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

¹ Vì đây là tuần đầu tiên của học kì II nên GV có thể tổ chức hoạt động kiểm tra bài cũ hoặc không.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá hội hoa

- HS phát hiện từ khoá *hội hoa*, vần *oa* trong tiếng *hoa*.
- HS đánh vần tiếng khoá *hoa* (*hờ-oa-hoa*).
- HS đọc trơn từ khoá *hội hoa*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá múa xoè (như với từ khoá *hội hoa*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oa* và chữ *hoa*

a1. Viết vần *oa*

- HS nghe GV giới thiệu về yêu cầu viết hạ chữ cỡ nhỏ.
- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oa* (vần *oa* gồm 2 con chữ *o* và *a*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng sau).
- HS viết vần *oa* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *hoa*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoa* (chữ *h* đứng trước, vần *oa* đứng sau).
- HS viết chữ *hoa* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *oe* và chữ *xoè* (như viết *oa*, *hoa*)

5.2. Viết vào vở tập viết¹

- HS viết *oa*, *hội hoa*, *oe*, *múa xoè* vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa chữ trong một từ và độ cao các chữ theo cỡ chữ nhỏ).
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *oa*, *oe* (*đóa hoa*, *vàng hoe*, *hoa loa kèn*, *khoe sắc*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *oa*, *oe* (*cái loa*, *ổ khoá*, *toe toét*, *khoe*, ...).

¹ Tùy tình hình HS, khi dạy phần vần, GV có thể kết thúc tiết 1 sau hoạt động viết vào VTV, như tác giả đã phân chia; hoặc có thể chuyển nội dung này sang tiết 2.

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Tên của bài đọc là gì?, Em thích loài hoa nào nhất?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh: đọc bài *Về hoa*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: đọc bài *Về hoa*.
- HS chơi các trò chơi kèm đọc/ hát/ nói bài đồng dao *Về hoa*.
(GV có thể tổ chức một số trò chơi khác giúp HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần *oa, oe*. Gợi ý: GV có thể tổ chức cho HS thi gọi tên nhanh các vật “Hoa gì đây?”.)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có *oa, oe*.
- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uê uy*).

BÀI 2: UÊ UY (tiết 3 – 4, SHS tr. 8 – 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *uê, uy* (*huy chương, hoa huệ, ruy băng, thiên tuế, thủy tiên, ...*).
2. Nhận diện được vần *uê, uy*, tiếng có vần *uê, uy*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*) (không có âm cuối), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *uê, uy*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *uê, uy* và các tiếng, từ ngữ có các vần *uê, uy*; tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn,
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC (Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *uê, uy*.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *oa, oe*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *oa, oe*.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 8 và quan sát tranh minh hoạ phần khởi động, trao đổi trong nhóm và nói ra những từ chứa tiếng có vần *uê, uy* (Gợi ý: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*gia đình đi xem hoa*), “Cả nhà đang đứng trước cây gì? Trên cây đó có treo cái gì?” (*cây vạn tuế, huy chương, ruy băng*), “Bức tranh bên cạnh vẽ cảnh gì?” (*căn nhà ở quê/ cảnh làng quê*), “Xung quanh có những loại hoa nào?” (*hoa thủy tiên, hoa dã quỳ*)).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được.

– HS phát hiện ra các vần *uê, uy*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *uê uy*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *uê*

– HS quan sát, phân tích vần *uê*.

– HS đánh vần vần *uê*: *u-ê-uê* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *uy* (như với vần *uê*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

– HS so sánh vần *uê* và *uy*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *uê* và *uy* (đều có âm /-u/ đứng trước).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *tuế*.

– HS phân tích tiếng *tuế*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *tờ-uê-tuê-sắc-tuế* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *vạn tuế*

– HS phát hiện từ khoá *vạn tuế*, vần *uê* trong tiếng *tuế*.

– HS đánh vần tiếng khoá *tuế* (*tờ-uê-tuê-sắc-tuế*).

– HS đọc trơn từ khoá *vạn tuế*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá **thủy tiên** (như với từ khoá **vạn tuế**)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần **uê** và chữ **tuế**

a1. Viết vần **uê**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần **uê** (vần **uê** gồm 2 con chữ **u**, **ê**, chữ **u** đứng trước, chữ **ê** đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần **oa**.)

a2. Viết chữ **tuế**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ **tuế** (chữ **t** đứng trước, vần **uê** đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ **hoa**.)

b. Viết vần **uy** và chữ **thủy** (như viết **oa**, **hoa**)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết **uê**, **vạn tuế**, **uy**, **thủy tiên** vào VTV (**Lưu ý:** GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa các chữ trong một từ, hạ độ cao tất cả các con chữ theo cỡ chữ nhỏ).

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần **uê**, **uy** (**làng quê**, **uy nghiêm**, **xum xuê**, **nhụy hoa**).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có tiếng chứa vần **uê**, **uy** (**thuê nhà**, **cái chùy**, **khuy áo**,...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (**Vào dịp lễ hội hoa, Làng hoa Cái Mơn như thế nào?, Những cây cảnh nào khoe dáng uy nghiêm?**).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau.*
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố.*
- HS đọc câu đố, giải câu đố về hoa loa kèn. (GV hướng dẫn HS nhận ra những từ ngữ liên tưởng đến hình dáng của loài hoa này.)
- HS có thể nói câu có từ *hoa loa kèn.*

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có *uê, uy.*
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oai oay oac*).

BÀI 3: OAI OAY OAC (tiết 5 – 6, SHS, tr. 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oai, oay, oac* (*oải hương, xoay tròn, áo khoác,...*).
2. Nhận diện được vần *oai, oay, oac*, tiếng có vần *oai, oay, oac*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oai, oay, oac*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oai, oay, oac* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oai, oay, oac*; tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *oai, oay, oac*.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *uê, uy*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *uê, uy*.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 10 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oai, oay, oac* (Có thể sử dụng câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*cảnh vườn hoa oải hương*), “Bạn trai mặc áo gì?” (*áo khoác*), “Bạn gái đang cầm cái gì?” (*cái chong chóng*), “Chong chóng như thế nào?” (*đẹp, đang xoay tròn*),...
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *oải, xoay, khoác*.
- HS phát hiện ra các vần *oai, oay, oac*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oai oay oac*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oai*

- HS quan sát, phân tích vần *oai*.
- HS đánh vần vần *oai*: *o-a-i-oai*.

b. Nhận diện vần *oay* (như với vần *oai*)

HS so sánh vần *oay* và *oai*.

c. Nhận diện vần *oac* (như với vần *oai*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh vần các *oai, oay, oac*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (đều có *o* đứng trước *a*)¹.

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *oải*.
- HS phân tích tiếng *oải*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *oai-hỏi-oải* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *oải hương*

- HS phát hiện từ khoá *oải hương*, vần *oai* trong tiếng *oải*.
- HS đánh vần tiếng khoá *oải* (*oai-hỏi-oải*).
- HS đọc trơn từ khoá *oải hương*.

¹ Xét trên phương diện ngữ âm “a” ở “oay” là nguyên âm “ă”, nhưng để nhất quán và thuận tiện cho HS trong việc nhận diện, tài liệu này, tác giả chọn giải pháp xem “a” ở “oay” như “ay”: o-a-y-oay, a-y-ay.

4.2. **Đánh vần và đọc trơn từ khoá xoay tròn** (như với từ khoá *oải hương*)

4.3. **Đánh vần và đọc trơn từ khoá áo khoác** (như với từ khoá *oải hương*)

5. Tập viết

5.1. **Viết vào bảng con**

a. **Viết vần *oai* và chữ *oải***

a1. **Viết vần *oai***

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oai* (vần *oai* gồm 3 con chữ *o*, *a* và *i*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *i* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *oa*.)

a2. **Viết chữ *oải***

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *oải* (vần *oai*, dấu ghi thanh hỏi trên chữ *a*).

b. **Viết vần *oay* và chữ *xoay*** (như viết *oai*, *oải*)

c. **Viết vần *oac* và chữ *khoác*** (như viết *oai*, *oải*)

5.2. **Viết vào vở tập viết**

– HS viết *oai*, *oải hương*, *oay*, *xoay tròn*, *oac*, *áo khoác* vào VTV.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn, sửa lỗi (nếu có) và chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. **Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng**

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oai*, *oay*, *oac* (*vòng xoáy*, *hoa xoài*, *nứt toác*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *oai*, *oay*, *oac* (*oai phong*, *khoai lang*, *loay hoay*, *nói khoác*...).

6.2. **Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng**

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (*Đà Lạt vừa trồng thêm loài hoa gì? Mọi người đến vườn hoa để làm gì?*).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?” (các bạn HS), “Họ đang làm gì?” (đang múa hát); “Hãy đọc câu trong bóng nói.”).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: Hát/ nói/ đọc thơ kèm múa/ vận động, bài hát hoặc bài thơ có nội dung về hoa lá.

– HS có thể hát/ đọc lời bài hát *Hoa trong vườn*.

(GV có thể tổ chức một trò chơi hay hoạt động mở rộng khác, miễn là phù hợp với nội dung bài học.)

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có *oai, oay, oac*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oat, oan, oang*).

BÀI 4: OAT OAN OANG (tiết 7 – 8, SHS, tr. 12 – 13)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *oat, oan, oang*.

2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oat, oan, oang*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *oat, oan, oang*.

4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oat, oan, oang* các tiếng, từ ngữ có các vần *oat, oan, oang*; tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn,

6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *oat, oan, oang*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *oai, oay, oac*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *oai, oay, oac*.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 12 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oat, oan, oang* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*khu trò chơi ở quảng trường*); “Các bạn nhỏ chơi trò gì?” (*trò hoa bé ngoan, hình đoàn tàu*), “Ai là người dẫn?” (*cô hoạt náo viên*), “Cô mặc áo gì?” (*áo choàng*),...).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *ngoan, đoàn, hoạt, choàng*.

– HS phát hiện ra các vần *oat, oan, oang*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oat oan oang*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oat*

– HS quan sát, phân tích vần *oat*.

– HS đánh vần vần *oat*: *o-a-tờ-oat (oát)* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

– HS so sánh vần *oat* và *oac*.

b. Nhận diện vần *oan* (như với vần *oat*)

c. Nhận diện vần *oang* (như với vần *oat*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

– HS so sánh vần *oat, oan, oang*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *oat, oan, oang* (đều có *o* đứng trước *a*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoạt*.

– HS phân tích tiếng *hoạt*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oat-hoát-nặng-hoạt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phim hoạt hình

– HS phát hiện từ khoá *phim hoạt hình*, vần *oat* trong tiếng *hoạt*.

– HS đánh vần tiếng khoá *hoạt* (*hờ-oat-hoát-nặng-hoạt*).

– HS đọc trơn từ khoá *phim hoạt hình*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phiếu bé ngoan (như với từ khoá *phim hoạt hình*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá áo choàng (như với từ khoá *phim hoạt hình*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oat* và chữ *hoạt*

a1. Viết vần *oat*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oat* (vần *oat* gồm 3 con chữ *o*, *a* và *t*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *t* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *oa*.)

a2. Viết chữ *hoạt*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoạt* (chữ *h* đứng trước, vần *oat* đứng sau, dấu ghi thanh nặng dưới chữ *a*).

b. Viết vần *oan* và chữ *ngoan* (như viết *oat*, *hoạt*)

c. Viết vần *oang* và chữ *choàng* (như viết *oat*, *hoạt*)

– HS so sánh cấu tạo nét chữ của *oang* và *oan*.

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết *oat*, *hoạt* hình, *oan*, *bé ngoan*, *oang*, *áo choàng* vào VTV (GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa chữ trong một từ và viết chữ cỡ nhỏ).

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oat*, *oan*, *oang* (đoạt giải, hoa xoan, hoa hoàng oanh).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *oat*, *oan*, *oang* (đồng loạt, thanh thoát, mũi khoan, oang oang...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (*Ở khu trò chơi có cuộc thi gì?, Đội nào đoạt giải Nhất?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau.*
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố.*
- HS đọc câu đố, giải câu đố về hoa xoan. (GV hướng dẫn HS nhận ra những từ ngữ liên tưởng đến hình dáng của loài hoa này.)
- HS có thể nói câu có từ *hoa xoan.*

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oat, oan, oang.*
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang.*
2. Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh họa đã cho.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

¹ Mục tiêu 6, 7 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài thực hành phần vần nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài thực hành đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài thực hành phần vần tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

– HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần mới được học (ở bài 4).

2. Luyện tập thực hành các âm vần mới

– HS mở VBT.
– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.
– HS nghe GV giới thiệu bài thực hành.
– HS quan sát phần làm mẫu trong VBT. HS trao đổi với bạn về cách thực hiện hoạt động này. GV có thể hướng dẫn thêm để HS hiểu cách thực hiện. Gợi ý: ghép âm đầu với vần và thêm dấu thanh để tạo thành tiếng/ từ có nghĩa.

– HS thực hiện bài tập.
– HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
– HS rà soát, tự đánh giá bài mình, bài bạn (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp).

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài đọc, đánh vần các tiếng đó.
– HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.
– HS đọc thành tiếng bài đọc.
– HS tìm hiểu nội dung bài đọc, giải câu đố, điền loài hoa em thích trong bài vào chỗ trống.

4. Ôn luyện quy tắc chính tả và phân biệt chính tả phương ngữ

– HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/k-*. HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc.
– HS thực hiện bài tập chính tả phương ngữ. GV lựa chọn một, hai bài tập theo những đặc điểm chính tả phương ngữ của HS trong lớp mình. Các bài tập còn lại, có thể thực hiện vào giờ tự học.

– HS đặt câu với một vài từ vừa tìm được.
– HS tự đánh giá kết quả hoạt động của mình và của bạn theo sự hướng dẫn của GV.

5. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Gợi ý: Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *oan – oang, oac – oat, ...*).

– HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr. 14 – 15)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố được các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học (ở bài 4).

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 14.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần vừa học trong tuần.
- HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.

¹ Mục tiêu 6, 7 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài ôn tập phần vần nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài ôn tập đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài ôn tập phần vần tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài.
- HS đánh vần và đọc trơn các tiếng có vần được học trong tuần (*hoa, khoe, toả,...*).

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS tìm hiểu về bài thơ (*Nêu tên hai, ba loài hoa được nhắc đến trong bài thơ; Tìm từ chỉ màu sắc của hoa huệ*).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các tiếng có trong cụm từ *rất nhiều loài hoa*.
- HS tìm tiếng có chứa vần đã học trong tuần (*loài, hoa*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng, từ.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở với cỡ chữ nhỏ.

4.2. Nhìn – viết

- HS đọc trơn hai dòng thơ cần viết, và các tiếng chứa vần vừa học có trong hai câu thơ đó.
- HS nhìn – viết hai dòng thơ vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS đếm từ hàng kẻ lẻ lùi vào 3 ô. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu dòng thơ. Nhớ viết dấu chấm ở câu thơ cuối).
- HS kiểm tra bài viết, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

4.3. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình).
- HS kiểm tra bài tập chính tả, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề).
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động.

6. Cũng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần được ôn tập, nhắc lại mô hình đánh vần tiếng được học.
- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học. (GV cũng có thể hướng dẫn HS cách tìm các âm chữ được học ở bài học của môn học khác và hướng dẫn HS đọc mở rộng.)
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

B. KỂ CHUYỆN SỰ TÍCH HOA NGỌC LAN (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phân đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Sự tích hoa ngọc lan*, tên chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất biết yêu thương, chia sẻ với người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện.

Nội dung truyện

Sự tích hoa ngọc lan

1. Ngày xưa, các loài cây chỉ có lá, nên thần sắc đẹp quyết định vẽ hoa và tặng hương thơm cho chúng. Nhưng vì không đủ hương cho tất cả, thần chỉ tặng cho loài nào có tấm lòng thơm thảo.
2. Thần gặp và hỏi các loài hoa sẽ làm gì nếu có hương thơm.
Hoa hồng muốn nhờ gió mang tặng cho tất cả. Thần hài lòng, tặng cho một làn hương. Còn râm bụt chỉ muốn tỏ vẻ với những loài cây khác, nên thần không tặng.

3. Cứ thế, thần ban tặng gần hết bình hương, thì gặp hoa ngọc lan. Khi được thần hỏi, ngọc lan ngập ngừng đáp:

– Con thích lắm. Nhưng con muốn nhường cho hoa cỏ. Bạn ấy không đẹp lại bị giày xéo hằng ngày. Hoa cỏ khổ lắm...

4. Nói rồi, ngọc lan oà khóc. Thần cảm động, tặng cho ngọc lan phần hương nhiều hơn các loài hoa khác. Vì vậy, lúc nào ngọc lan cũng thơm hơn những loài hoa khác.

Theo *Truyện cổ tích tổng hợp*

Câu hỏi:

1. Vì sao ngọc lan có mùi hương thơm hơn những loài hoa khác?
2. Hãy kể về một việc mà em đã giúp đỡ người khác.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể ở chủ đề *Vườn ươm (Khúc rễ đa)*.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Sự tích hoa ngọc lan*.

– Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” (*hoa ngọc lan, hoa hồng, hoa râm bụt, thần sắc đẹp*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*vườn hoa*), “Vì sao hoa ngọc lan khóc?”,...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ thần sắc đẹp có tặng hương thơm cho tất cả các loài hoa không?”, “Em nghĩ thần sắc đẹp có tặng hương thơm cho hoa hồng/ hoa râm bụt không?”).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV chú ý sử dụng câu hỏi gợi ý dưới tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS sử dụng từ ngữ chỉ trật tự diễn biến vào đoạn thích hợp trong khi kể.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Vì sao hoa ngọc lan có hương thơm hơn những loài hoa khác?”, “Em đã từng đối xử tốt với ai, hoặc được ai đó đối xử tốt với mình chưa? Hãy kể về việc đó.”).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.
- Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).
- Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uân uyên uy*).